

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU
TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số: 101 /2025/TH1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam

- Mã chứng khoán: TH1
- Địa chỉ: Số 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, TP.Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02438265190
- Email: gexim@gel.com.vn Website: <https://gel.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2025

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/8/2025 tại đường dẫn: <https://gel.com.vn/vi/category/tin-tuc/quan-he-co-dong/>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên 2025;
- Văn bản giải trình.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Thị Huyền Linh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06-45
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 30 tháng 11 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Vĩnh Huy	Chủ tịch
Bà Vũ Thị Phương	Ủy viên
Ông Lê Tuấn Điệp	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Vũ Thị Phương	Tổng Giám đốc
Bà Mai Thu Hà	Giám đốc tài chính

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Chiến	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thảo	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là bà Vũ Thị Phương - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.



Vũ Thị Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

Số: 290825.001/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam được lập ngày 29 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 01/01/2025, nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn là 46,52 tỷ VND, khoản lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2025 là 178,46 tỷ VND và tại ngày 01/01/2025 là 183,05 tỷ VND. Vấn đề này cùng với các vấn đề được nêu tại Thuyết minh số 1 trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		914.163.943.977	428.791.950.062
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		11.586.598.304	4.121.969.111
111	1. Tiền	3	11.586.598.304	4.121.969.111
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	567.061.648.431	290.762.204.901
121	1. Chứng khoán kinh doanh		24.636.399.250	24.636.399.250
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		542.425.249.181	266.125.805.651
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		178.631.778.721	95.778.674.263
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	150.352.687.394	63.071.156.189
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	13.253.756.728	22.779.956.483
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	173.359.164.174	168.406.391.166
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(158.333.829.575)	(158.478.829.575)
140	IV. Hàng tồn kho	12	152.360.325.439	33.289.761.728
141	1. Hàng tồn kho		152.360.325.439	33.289.761.728
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.523.593.082	4.839.340.059
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	215.557.497	312.762.791
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.894.878.315	4.113.419.998
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	413.157.270	413.157.270
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		191.703.404.220	317.971.116.301
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		19.834.299.996	99.834.299.996
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	19.734.299.996	19.734.299.996
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	100.000.000	80.100.000.000
220	II. Tài sản cố định		4.990.253.203	4.026.734.475
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.838.453.203	874.934.475
222	- Nguyên giá		4.332.966.132	3.323.027.787
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.494.512.929)	(2.448.093.312)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.151.800.000	3.151.800.000
228	- Nguyên giá		3.151.800.000	3.151.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư	13	105.045.140.244	106.554.711.810
231	- Nguyên giá		150.100.381.782	150.100.381.782
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(45.055.241.538)	(43.545.669.972)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	60.469.179.682	106.226.173.527
251	1. Đầu tư vào công ty con		160.000.000	160.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		70.663.895.429	70.663.895.429
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.200.000.000	1.200.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(11.554.715.747)	(11.297.721.902)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	45.500.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.364.531.095	1.329.196.493
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	1.364.531.095	1.329.196.493
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.105.867.348.197	746.763.066.363

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.100.586.059.448	746.075.127.512
310	I. Nợ ngắn hạn		905.784.639.321	475.309.874.311
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	72.310.130.934	17.029.517.137
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	7.499.207.493	4.943.100.071
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.246.650.167	29.004.459
314	4. Phải trả người lao động		1.145.178.885	3.095.607.829
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	23.590.375	177.191.717
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	25.200.000	261.816.312
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	108.096.296.934	98.475.640.671
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	715.094.427.805	350.954.039.387
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		343.956.728	343.956.728
330	II. Nợ dài hạn		194.801.420.127	270.765.253.201
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	8.447.947.020	8.321.448.864
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	12.464.179.565	92.445.002.869
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	173.889.293.542	169.998.801.468
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.281.288.749	687.938.851
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	5.281.288.749	687.938.851
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		135.392.670.000	135.392.670.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		135.392.670.000	135.392.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.147.588.054	17.147.588.054
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.262.420.104	7.262.420.104
415	4. Cổ phiếu quỹ		(981.900)	(981.900)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		23.940.421.305	23.940.421.305
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(178.460.828.814)	(183.054.178.712)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(183.054.178.712)	(208.071.173.631)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		4.593.349.898	25.016.994.919
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.195.867.348.197	746.763.066.363

Nguyễn Thanh Thúy
Người lập

Nguyễn Thanh Thúy
Kế toán trưởng

Vũ Thị Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam,
thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	784.274.530.747	347.262.375.837
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		784.274.530.747	347.262.375.837
11	4. Giá vốn hàng bán	25	755.685.885.756	312.553.363.719
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.588.644.991	34.709.012.118
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	32.597.099.322	18.655.093.189
22	7. Chi phí tài chính	27	34.662.965.907	10.394.051.084
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		15.700.111.720	3.441.261.163
25	8. Chi phí bán hàng	28	20.157.979.717	14.151.242.165
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	3.374.769.780	2.703.360.151
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.990.028.909	26.115.451.907
31	11. Thu nhập khác	30	2.704.990.998	6.146.851.519
32	12. Chi phí khác	31	1.101.670.009	6.496.526.021
40	13. Lợi nhuận khác		1.603.320.989	(349.674.502)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.593.349.898	25.765.777.405
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.593.349.898	25.765.777.405

Nguyễn Thanh Thủy
Người lậpNguyễn Thanh Thủy
Kế toán trưởngVũ Thị Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.593.349.898	25.765.777.405
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.637.503.009	1.606.048.020
03	- Các khoản dự phòng		111.993.845	(99.974.761)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		10.629.679.492	5.307.548.483
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(23.934.638.927)	(15.145.363.849)
06	- Chi phí lãi vay		15.700.111.720	3.441.261.163
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		8.737.999.037	20.875.296.461
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		5.241.914.599	25.349.042.808
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(119.070.563.711)	(7.984.611.914)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(18.406.050.186)	(52.464.877.367)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		61.870.692	4.098.018.424
14	- Tiền lãi vay đã trả		(10.814.010.090)	(2.703.029.935)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(4.989.592.412)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(134.248.839.659)	(17.819.753.935)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.091.450.171)	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(401.535.249.181)	(177.386.677.414)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		170.735.805.651	107.506.013.698
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.889.864.289	15.251.659.511
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(215.001.029.412)	(54.629.004.205)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		666.357.644.687	188.672.794.704
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(309.645.338.106)	(119.399.329.129)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		356.712.306.581	69.273.465.575
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		7.462.437.510	(3.175.292.565)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘCho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		4.121.969.111	5.936.739.889
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.191.683	(2.800.162)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	11.586.598.304	2.758.647.162

Nguyễn Thanh Thúy
Người lậpNguyễn Thanh Thúy
Kế toán trưởngVũ Thị Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 30 tháng 11 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 135.392.670.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 135.392.670.000 VND; tương đương 13.539.267 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 36 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 35 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh Xuất nhập khẩu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm: Kinh doanh tạp phẩm, thủy hải sản, rượu bia, nước giải khát, kinh doanh bánh kẹo, các mặt hàng đường, sữa, sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê...;
- Kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản;
- Kinh doanh các sản phẩm dệt may;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh Nhà ở và văn phòng, cho thuê văn phòng, căn hộ, kho, bãi, nhà xưởng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Tại ngày 01/01/2025, nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn là 46,52 tỷ VND, khoản lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2025 là 178,46 tỷ VND và tại ngày 01/01/2025 là 183,05 tỷ VND. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xây dựng phương hướng hoạt động trong thời gian tới như sau: tập trung các hoạt động sản xuất kinh doanh truyền thống và kinh doanh thương mại các mặt hàng nông sản là thế mạnh; mở rộng quy mô thị trường, khách hàng và một số ngành hàng mới; chú trọng vào công tác thu hồi công nợ để chủ động nguồn vốn kinh doanh; và kiện toàn bộ sung nhân sự để nâng cao năng suất lao động. Đồng thời, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đã xây dựng kế hoạch tài chính để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do vậy, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Cấu trúc doanh nghiệp**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu
Tổng hợp I Việt Nam tại Hải Phòng

Địa chỉ

Thành phố Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính

Dịch vụ xuất nhập khẩu

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng
hợp I Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí
Minh

Thương mại và dịch vụ

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 71/2025/NQ-HĐQT ngày 02/07/2025, thông qua việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - tại Hải Phòng do hoạt động của chi nhánh không còn phù hợp với định hướng phát triển của doanh nghiệp.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ ... đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định; bất động sản đầu tư;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
--------------------------	-------------

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả như trích trước chi phí vận chuyển, chi phí dịch vụ hải quan và các khoản phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Thông tin chi tiết về giao dịch với bên liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty do Công ty công bố đồng thời Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.26 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Tiền mặt	367.158.422	348.022.315
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.218.925.882	3.773.946.796
Tiền đang chuyển	514.000	-
	<u>11.586.598.304</u>	<u>4.121.969.111</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	542.425.249.181	-	266.125.805.651	-
- Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn (1)	404.700.000.000	-	186.400.000.000	-
- Trái phiếu Công ty TNHH Quản lý và đầu tư Thiên An (Mã trái phiếu DTACH2328001) (2)	37.095.744.853	-	79.725.805.651	-
- Trái phiếu Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Du lịch Phú Quốc (DPQCH2227003, DPQCH2227002, DPQCH2227004_0707, DPQCH2227007) (3)	100.629.504.328	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	45.500.000.000	-
- Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn (1)	-	-	45.500.000.000	-
	542.425.249.181	-	311.625.805.651	-

(1) Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC có kỳ hạn 6 tháng đến 13 tháng với lãi suất từ 7%/năm đến 7,7%/năm.

(2) Trái phiếu Công ty TNHH Quản lý đầu tư Thiên An có số lượng 319 trái phiếu kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 8,1% /năm.

(3) Trái phiếu Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Du lịch Phú Quốc có số lượng 982.547 trái phiếu kỳ hạn 6 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 7,8% đến 8,3% năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

		30/06/2025			01/01/2025		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	Mã chứng khoán	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP (Số lượng 420.000 cổ phần)	DVN	6.940.395.000	9.870.000.000	-	6.940.395.000	10.542.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà (Số lượng 399.000 cổ phần)	SJS	17.696.004.250	39.501.000.000	-	17.696.004.250	29.526.000.000	-
		24.636.399.250	49.371.000.000	-	24.636.399.250	40.068.000.000	-

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX, HOSE tại ngày 31/12/2024 và 30/06/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	%	VND	VND	%
Đầu tư vào Công ty con	160.000.000	(5.145.957)		160.000.000	(3.394.822)	
- Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow	160.000.000	(5.145.957)	80,00	160.000.000	(3.394.822)	80,00
Đầu tư vào Công ty liên kết	70.663.895.429	(10.349.569.790)		70.663.895.429	(10.094.327.080)	
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	20.968.895.429	-	40,00	20.968.895.429	-	40,00
- Công ty CP Bất động sản Tổng hợp 1	20.400.000.000	(5.054.599.858)	49,60	20.400.000.000	(5.054.599.858)	49,60
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	29.295.000.000	(5.294.969.932)	27,00	29.295.000.000	(5.039.727.222)	27,00
Đầu tư vào đơn vị khác	1.200.000.000	(1.200.000.000)		1.200.000.000	(1.200.000.000)	
- Công ty CP Khoáng sản Mai Linh - Quảng Ngãi	1.200.000.000	(1.200.000.000)	5,42	1.200.000.000	(1.200.000.000)	5,42
	72.023.895.429	(11.554.715.747)		72.023.895.429	(11.297.721.902)	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư tại ngày 30/06/2025:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con		
- Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
Công ty liên kết		
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Hà Nội	Cho thuê văn phòng
- Công ty CP Bất động sản Tổng hợp 1	Hà Nội	Kinh doanh Bất động sản
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Đắk Nông	Trồng cây hồ tiêu
Đơn vị khác		
- Công ty CP Khoáng sản Mai Linh - Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Kinh doanh, khai thác khoáng sản

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	76.200.000	-	76.200.000	-
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	76.200.000	-	76.200.000	-
Bên khác	150.276.487.394	-	62.994.956.189	-
- Inci Agro Kuruyemis Ith Ihr San Ve Tic A.S	35.749.500.000	-	-	-
- Parlak Gida Ihr Ith Tic San Ltd Sti	10.690.304.000	-	-	-
- El Malek For Import and Export Company	9.278.927.400	-	-	-
- Eurl Agro Teg	8.366.797.500	-	-	-
- Spring Valley Food Industries LLC	12.257.114.647	-	29.572.544.000	-
- Mepa Nuts Gida Ithalat Ihracat Sanayi Ve Ticaret Limited Sirketi	-	-	9.997.608.000	-
- Công ty CP Rinca	3.107.386.597	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	70.826.457.250	-	23.424.804.189	-
	150.352.687.394	-	63.071.156.189	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	2.405.746.723	-	2.405.746.723	-
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	1.905.746.723	-	1.905.746.723	-
- Công ty CP Bất động sản Tổng hợp 1	500.000.000	-	500.000.000	-
Bên khác	10.848.010.005	(5.710.320.143)	20.374.209.760	(5.710.320.143)
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Asean	2.518.747.500	(2.518.747.500)	2.518.747.500	(2.518.747.500)
- Công ty TNHH Minh Thy Vàng	900.000.000	-	2.990.980.000	-
- Trả trước cho người bán khác	7.429.262.505	(3.191.572.643)	14.864.482.260	(3.191.572.643)
	13.253.756.728	(5.710.320.143)	22.779.956.483	(5.710.320.143)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>						
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao (*)	19.734.299.996	-	-	-	19.734.299.996	-
	19.734.299.996	-	-	-	19.734.299.996	-

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn:

(*) Hợp đồng vay vốn số 02/2021/TH1-SAG/HĐVV ngày 13/10/2021 và Phụ lục Hợp đồng cho vay số 02-02/2024/PLHĐVV/TH1/SAG ngày 10/10/2024 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Chăm sóc phát triển dự án nông nghiệp tại Đắc Nông;
- + Thời hạn của hợp đồng: 24 tháng; được gia hạn đến hết ngày 13/10/2027 theo phụ lục Hợp đồng cho vay số 02-02/2024/PLHĐVV/TH1/SAG ngày 10/10/2024;
- + Lãi suất cho vay: 11%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 19.734.299.996 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	172.104.930.785	(151.623.509.432)	165.060.156.147	(151.623.509.432)
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	20.922.855	-	18.248.400	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	4.486.515	-	3.662.550	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	2.587.630	-	2.236.150	-
- Tạm ứng	72.882.577	-	2.131.760.719	-
- Ký cược, ký quỹ	56.200.000	-	32.000.000	-
- Phải thu hợp tác kinh doanh	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
- Phải thu khác	97.153.812	-	158.327.200	(145.000.000)
	173.359.164.174	(152.623.509.432)	168.406.391.166	(152.768.509.432)
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
- Công ty CP Sam Nong nghiệp Công nghệ cao	7.271.763.245	-	6.195.297.730	-
- Công ty CP Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (1)	151.623.509.432	(151.623.509.432)	151.623.509.432	(151.623.509.432)
- Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	12.614.927.673	-	7.241.348.985	-
- Phải thu lãi trái phiếu Công ty TNHH Quản lý và đầu tư Thiên An	161.929.106	-	-	-
- Phải thu lãi trái phiếu Công ty CP đầu tư và phát triển Du lịch Phú Quốc	432.801.330	-	-	-
- Phải thu hợp tác Ông Nguyễn Xuân Nam	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
- Phải thu các bên khác	254.233.388	-	2.346.235.019	(145.000.000)
	173.359.164.174	(152.623.509.432)	168.406.391.166	(152.768.509.432)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
- Phải thu hợp tác kinh doanh Ông Nguyễn Tiến Việt (2)	-	-	80.000.000.000	-
- Phải thu khác	100.000.000	-	100.000.000	-
	100.000.000	-	80.100.000.000	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	7.271.763.245	-	6.195.297.730	-
	7.271.763.245	-	6.195.297.730	-

(1) Khoản phải thu về lãi phải thu của hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam số tiền 151.623.509.432 VND. Trong năm 2021, Công ty đã thu hồi toàn bộ phần vốn góp theo hợp đồng hợp tác đầu tư này bằng tiền gửi ngân hàng. Trong năm 2022, Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với khoản phải thu lãi đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam số tiền 151.623.509.432 VND do không có khả năng thu hồi.

(2) Công ty và ông Nguyễn Tiến Việt ký biên bản thanh lý ngày 28/03/2025 của hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2023/HTĐT ngày 28/01/2023 và phụ lục hợp đồng 01/2023/HTĐT ngày 02/08/2024 giữa ông Nguyễn Tiến Việt và Công ty để thực hiện việc mua chứng khoán, giấy tờ có giá trên cơ sở quy định của pháp luật. Theo điều khoản, hợp đồng có hiệu lực trong vòng 02 năm kể từ thời điểm ký, kết quả đầu tư được phân chia theo nguyên tắc Công ty hưởng 80% và ông Nguyễn Tiến Việt hưởng 20%. Hợp đồng không quy định về tài sản bảo đảm đối với các bên tham gia. Do ông Nguyễn Tiến Việt chưa thực hiện hoạt động đầu tư kể từ ngày 01/01/2025 đến ngày ký biên bản thanh lý, nên ông Nguyễn Tiến Việt đã trả tiền lãi cho Công ty số tiền 904.029.418 VND (tương ứng với lãi suất 4,8%/năm cho kỳ hạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 28/03/2025).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

9 . NỢ XẤU

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
a) Trả trước cho người bán	5.710.320.143	-	5.710.320.143	-
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Asean	2.518.747.500	-	2.518.747.500	-
- HK Newsheng Timber Co.,LTD	2.312.261.039	-	2.312.261.039	-
- Công ty TNHH Bình Yên	879.311.604	-	879.311.604	-
b) Phải thu khác	152.623.509.432	-	152.768.509.432	-
- Công ty CP Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam	151.623.509.432	-	151.623.509.432	-
- Ông Nguyễn Xuân Nam	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Các công ty khác	-	-	145.000.000	-
	158.333.829.575	-	158.478.829.575	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	876.945.818	289.607.273	1.941.106.092	215.368.604	3.323.027.787
- Mua trong kỳ	-	-	1.091.450.171	-	1.091.450.171
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(81.511.826)	(81.511.826)
Số dư cuối kỳ	876.945.818	289.607.273	3.032.556.263	133.856.778	4.332.966.132
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	823.259.821	234.807.297	1.174.657.590	215.368.604	2.448.093.312
- Khấu hao trong kỳ	8.947.662	6.850.002	112.133.779	-	127.931.443
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(81.511.826)	(81.511.826)
Số dư cuối kỳ	832.207.483	241.657.299	1.286.791.369	133.856.778	2.494.512.929
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	53.685.997	54.799.976	766.448.502	-	874.934.475
Tại ngày cuối kỳ	44.738.335	47.949.974	1.745.764.894	-	1.838.453.203

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.059.995.182 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.209.141.150 VND.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại 26B Lê Quốc Hưng, phường Xóm Chiếu, thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 3.151.800.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

12 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	65.216.201.686	-	27.473.796.742	-
Công cụ, dụng cụ	13.581.000	-	3.482.000	-
Thành phẩm	25.256.774	-	-	-
Hàng hoá	87.105.285.979	-	5.812.482.986	-
	152.360.325.439	-	33.289.761.728	-

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là nhà cửa, vật kiến trúc tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh được sử dụng để cho thuê có tổng nguyên giá là 150.100.381.782 VND; giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2025 là 45.055.241.538 VND, khấu hao trong kỳ là 1.509.571.566 VND. Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 105.045.140.244 VND. Nguyên giá bất động sản đầu tư hết khấu hao, còn sử dụng là 14.238.940.392 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trong kỳ, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 7.064.691.745 VND (kỳ 6 tháng đầu năm 2024 là 8.515.011.459 VND).

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	121.324.274	148.212.787
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	94.233.223	164.550.004
	215.557.497	312.762.791
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa	45.550.003	309.420.522
Công cụ dụng cụ xuất dùng	99.486.265	25.254.922
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.219.494.827	994.521.049
	1.364.531.095	1.329.196.493

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Ông Trần Văn Hải	15.936.741.144	15.936.741.144	15.936.741.144	15.936.741.144
- Công ty TNHH Nông sản Ngô Hoàng Thụ	16.590.594.456	16.590.594.456	-	-
- Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Phát Lộc	699.555.704	699.555.704	633.033.192	633.033.192
- Công ty TNHH TM Dịch vụ Xuất nhập khẩu Hải Hà	15.412.497.442	15.412.497.442	-	-
- Công ty TNHH TMSX Nguyên Hoàng Nam	8.561.000.000	8.561.000.000	-	-
- Công ty TNHH XNK Nông Sản Song Dũng	4.146.930.022	4.146.930.022	-	-
- Phải trả nhà cung cấp khác	10.962.812.166	10.962.812.166	459.742.801	459.742.801
	<u>72.310.130.934</u>	<u>72.310.130.934</u>	<u>17.029.517.137</u>	<u>17.029.517.137</u>

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	273.027.270	-	-	-	273.027.270	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	29.004.459	-	-	-	29.004.459
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	1.170.899.444	1.170.899.444	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	140.130.000	-	1.213.900.924	1.755.216	140.130.000	1.212.145.708
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	11.000.000	5.500.000	-	5.500.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
	413.157.270	29.004.459	2.403.800.368	1.186.154.660	413.157.270	1.246.650.167

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	100.000.000	100.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow	100.000.000	100.000.000
<i>Bên khác</i>	7.399.207.493	4.843.100.071
- Huanda Cocoa Food CO.,LTD	-	502.225.636
- Công ty TNHH Sản xuất cao su Liên Anh	4.106.508.000	4.106.508.000
- Sarl Nego Max Food	1.822.248.693	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.470.450.800	234.366.435
	7.499.207.493	4.943.100.071

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Trích trước chi phí dịch vụ hải quan	19.670.375	-
- Trích trước chi phí bao bì xuất khẩu	3.920.000	-
- Trích trước chi phí vận chuyển	-	177.191.717
	23.590.375	177.191.717

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê văn phòng	25.200.000	261.816.312
	25.200.000	261.816.312
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê văn phòng	8.447.947.020	8.321.448.864
	8.447.947.020	8.321.448.864

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	390.489.449	393.030.799
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	23.350.000	406.375.500
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.581.850.355	1.581.850.355
- Phải trả lãi vay (1)	84.715.515.841	79.829.414.211
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.385.091.289	16.264.969.806
	108.096.296.934	98.475.640.671
a2) Chi tiết theo đối tượng		
- Công ty CP Kinh doanh bất động sản VHC (1)	19.416.068.646	19.416.068.646
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An (1)	52.492.151.330	52.492.151.330
- Bà Phạm Thị Nguyệt Minh (2)	13.000.000.000	8.000.000.000
- Phải trả các đối tượng khác	23.188.076.958	18.567.420.695
	108.096.296.934	98.475.640.671

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

20 .PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp)

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
b) Dài hạn		
b1) Chi tiết theo nội dung		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.464.179.565	2.445.002.869
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.000.000.000	90.000.000.000
	12.464.179.565	92.445.002.869
b2) Chi tiết theo đối tượng		
- Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (3)	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương (4)	-	80.000.000.000
- Phải trả các đối tượng khác	2.464.179.565	2.445.002.869
	12.464.179.565	92.445.002.869
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow	98.251.170	98.251.170
	98.251.170	98.251.170

(1) Khoản lãi vay phải trả tương ứng với các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty đã được chi tiết tại Thuyết minh số 21.

(2) Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty và Bà Phạm Thị Nguyệt Minh

- Hợp đồng số 01/2024/HTĐT ngày 26/01/2024 để thực hiện việc mua chứng khoán, giấy tờ có giá trên cơ sở quy định của pháp luật. Theo điều khoản, hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2024, kết quả đầu tư được phân chia theo nguyên tắc Công ty hưởng 20% và Bà Phạm Thị Nguyệt Minh hưởng 80%. Hợp đồng không quy định về tài sản bảo đảm đối với các bên tham gia. Ngày 28/08/2024 Công ty và bà Phạm Thị Nguyệt Minh đã ký biên bản thỏa thuận thống nhất đầu tư cổ phiếu SJS và DVN theo nguồn vốn bà Phạm Thị Nguyệt Minh đã hợp tác với Công ty là 08 tỷ VND.
- Hợp đồng số 01/2025/HTĐT ngày 02/06/2025 để thực hiện việc mua chứng khoán, giấy tờ có giá trên cơ sở quy định của pháp luật với giá trị hợp tác đầu là 05 tỷ VND. Theo điều khoản, kết quả đầu tư được phân chia theo nguyên tắc Công ty hưởng 20% và Bà Phạm Thị Nguyệt Minh hưởng 80%. Hợp đồng không quy định về tài sản bảo đảm đối với các bên tham gia. Ngày 16/07/2025, Hai bên đã ký biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2025/HTĐT ngày 02/06/2025, khoản tiền hợp tác được hoàn trả cho các bên.

(3) Khoản phải trả ứng trước theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT/GENERALEXIM-SACOMREAL ngày 26/04/2016 giữa Công ty và Công ty CP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín về việc hợp tác đầu tư dự án khu căn hộ ở và kết hợp thương mại tại 251/44 đường Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

(4) Công ty và Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương ký biên bản thanh lý số 01/2025/HĐ-BHV-TH1 ngày 28/03/2025 để thanh lý Hợp đồng số 07/HĐ-ĐC/TH1-BHV ngày 03/02/2023 và phụ lục số 02/2024/PLHĐ-BHV-TH1 giữa Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương và Công ty liên quan đến chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tòa nhà Rainbow số 7 Triệu Việt Vương, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Trong năm 2025, Công ty phải trả khoản lãi phạt do chưa thực hiện chuyển nhượng được theo hợp đồng số tiền 904.767.123 VND tương ứng với lãi suất 4,8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

21 . VAY NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	350.954.039.387	350.954.039.387	673.492.726.524	309.572.088.106	714.874.677.805	714.874.677.805
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (1)	40.000.090.500	40.000.090.500	61.298.257.500	61.314.348.000	39.984.000.000	39.984.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội (2)	249.370.936.087	249.370.936.087	452.480.515.704	169.965.869.206	531.885.582.585	531.885.582.585
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm (3)	18.271.520.100	18.271.520.100	57.647.518.490	30.970.535.900	44.948.502.690	44.948.502.690
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (4)	24.470.192.700	24.470.192.700	102.066.434.830	47.321.335.000	79.215.292.530	79.215.292.530
- Công ty Cổ phần Sam Holdings (5)	18.841.300.000	18.841.300.000	-	-	18.841.300.000	18.841.300.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	219.750.000	-	219.750.000	219.750.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội (6)	-	-	219.750.000	-	219.750.000	219.750.000
	350.954.039.387	350.954.039.387	673.712.476.524	309.572.088.106	715.094.427.805	715.094.427.805

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội (6)	-	-	879.000.000	73.250.000	805.750.000	805.750.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An (7)	122.835.655.988	122.835.655.988	1.986.559.865	-	124.822.215.853	124.822.215.853
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản VHC (8)	47.163.145.480	47.163.145.480	1.317.932.209	-	48.481.077.689	48.481.077.689
	169.998.801.468	169.998.801.468	4.183.492.074	73.250.000	174.109.043.542	174.109.043.542
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(219.750.000)	-	(219.750.000)	(219.750.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	169.998.801.468	169.998.801.468			173.889.293.542	173.889.293.542

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1001LAV240118500 ngày 16/10/2024, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 15/10/2025;
- Thời hạn cho vay: không quá 06 tháng và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
- Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 39.984.000.000 VND (tương đương 1.523.200 USD);
- Hình thức bảo đảm tiền vay: hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo giữa Công ty và Ngân hàng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

(2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội theo Thỏa thuận khung sửa đổi số 01 ký ngày 11/01/2024, Thỏa thuận khung về cấp tín dụng số 070623-849519-01-SME/TTK và các Hợp đồng cho vay từng lần với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xuất khẩu hàng nông sản, lâm sản;
- Thời hạn cho vay: 06-12 tháng và được quy định tại từng hợp đồng cụ thể;
- Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 531.885.582.585 VND (tương đương 20.482.841,8 USD);
- Hình thức bảo đảm tiền vay: hợp đồng cho vay được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo giữa Công ty và Ngân hàng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

(3) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng cấp tín dụng số 258149.24.067.33381.TD ngày 19/11/2024, Hợp đồng thế chấp số 260061.24.067.33381.BD ngày 19/11/2024, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 45.000.000.000 VND đối với các khoản cho vay theo hạn mức;
- Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại nông sản;
- Thời hạn duy trì hạn mức: kể từ ngày giao kết Hợp đồng này đến ngày 11/09/2025;
- Thời hạn cho vay trong thời hạn duy trì Hạn mức tín dụng: Tối đa 05 tháng, chi tiết thời hạn cho vay theo từng lần giải ngân và nhận nợ;
- Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 44.948.502.690 VND (tương đương 1.711.346 USD);
- Hình thức bảo đảm tiền vay: hợp đồng cho vay được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo giữa Công ty và Ngân hàng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

(4) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Á- Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 500-011/25/HĐTD ngày 15 tháng 04 năm 2025 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức cho vay: 99.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
- Mục đích vay/nhận cấp tín dụng: bổ sung vốn lưu động thu mua hàng hóa phục vụ xuất khẩu;
- Thời hạn vay vốn/nhận cấp tín dụng: 12 tháng, kể từ ngày 15/04/2025 đến hết ngày 15/04/2026;
- Thời hạn cho vay: thời hạn cho vay của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không được vượt quá 05 tháng;
- Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể trong các Văn bản thỏa thuận cho vay khi thực hiện giải ngân;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 79.215.292.530 VND (tương đương 3.016.002 USD);
- Hình thức bảo đảm tiền vay: hợp đồng cho vay được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo giữa Công ty và Ngân hàng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(5) Vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Sam Holdings theo Hợp đồng vay vốn số 01/2021/SAM-TH1/HĐVV ngày 13/10/2021 và Phụ lục hợp đồng số 01/2023/PLHĐVV/SAM-TH1 ngày 13/10/2023, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức vay: 30.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: đầu tư hợp tác với Công ty Cổ phần SAM Nông nghiệp Công nghệ cao (SAG) thực hiện phát triển dự án nông nghiệp tại Đắc Nông;
- Thời hạn cho vay: đến hết ngày 13/11/2024 và được tự động gia hạn cho đến khi có Phụ lục mới hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng;
- Lãi suất cho vay: 11%/năm (chưa bao gồm thuế GTGT);
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 18.841.300.000 VND, nợ lãi là 6.974.393.166 VND;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Không có tài sản đảm bảo.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(6) Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 270225-849519-AUTO-1/HĐ ngày 28/02/2025 với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền cho vay: 879.000.000 VND;
- Mục đích vay: Mua ô tô phục vụ mục đích đi lại theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 05250139;
- Thời hạn cho vay: 48 tháng tính từ 28/02/2025 đến hết ngày 28/02/2029;
- Lãi suất cho vay: 7,5%/năm cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/01 lần;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 805.750.000 VND;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: hợp đồng cho vay được đảm bảo bằng tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, biển kiểm soát: 30M-005.08 giữa Công ty và Ngân hàng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

(7) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 30/06/2025 là các khoản nợ vay được Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ với các ngân hàng, với các điều khoản chi tiết sau:

- Lãi suất cho vay: không tính lãi từ thời điểm chuyển giao khoản nợ vay của các ngân hàng;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 124.822.215.853 VND (bao gồm: 2.782.296,73 USD và 51.745.192.240 VND), nợ lãi là 52.492.151.330 VND (bao gồm: 1.567.485,9 USD và 16.635.911.367 VND). Theo Biên bản thỏa thuận ngày 30/11/2023, từ năm 2024 trở đi lịch trình trả nợ tiếp theo sẽ được hai bên tiếp tục đàm phán trong thời gian tới.

(8) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 30/06/2025 là các khoản nợ vay được Công ty CP Kinh doanh Bất động sản VHC mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ với các ngân hàng, với các điều khoản sau:

- Lãi suất cho vay: không tính lãi từ thời điểm chuyển giao khoản nợ vay của các ngân hàng;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 48.481.077.689 VND (tương đương 1.845.843,43 USD), nợ lãi là 19.416.048.646 VND (bao gồm: 803.866,75 USD và 1.027.616.740 VND). Theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/03/2022, từ năm 2023 lịch trình trả nợ tiếp theo sẽ được hai bên tiếp tục đàm phán trong thời gian tới.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(207.467.457.923)	(23.725.340.360)
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	25.765.777.405	25.765.777.405
Số dư cuối kỳ trước	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(181.701.680.518)	2.040.437.045
Số dư đầu kỳ này	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(183.054.178.712)	687.938.851
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	4.593.349.898	4.593.349.898
Số dư cuối kỳ này	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(178.460.828.814)	5.281.288.749

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Ông Đinh Đức Tùng	28.065.210.000	20,73	28.065.210.000	20,73
Ông Nguyễn Văn Nguyên	26.961.230.000	19,91	26.961.230.000	19,91
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	21.500.000.000	15,88	21.500.000.000	15,88
Các cổ đông khác	58.865.820.000	43,48	58.865.820.000	43,48
Cổ phiếu quỹ	410.000	0,00	410.000	0,00
	135.392.670.000	100,00	135.392.670.000	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	135.392.670.000	135.392.670.000
- Vốn góp cuối kỳ	135.392.670.000	135.392.670.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	1.581.850.355	1.581.850.355
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	1.581.850.355	1.581.850.355

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.539.267	13.539.267
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	13.539.267	13.539.267
- Cổ phiếu phổ thông	13.539.267	13.539.267
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	41	41
- Cổ phiếu phổ thông	41	41
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.539.226	13.539.226
- Cổ phiếu phổ thông	13.539.226	13.539.226
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.940.421.305	23.940.421.305
	23.940.421.305	23.940.421.305

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại:

- Số 7 Triệu Việt Vương, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích làm văn phòng và kinh doanh khách sạn, với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 06/12/2005, diện tích đất thuê là 435,9 m²;

- Số 251/4 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, TP Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm kho hàng hóa với thời hạn thuê đất ngắn hạn hàng năm kể từ ngày 05/05/2006 cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, hợp đồng này đương nhiên được gia hạn trong từng năm kế tiếp nếu Nhà nước không có quyết định điều chỉnh, thu hồi đất, diện tích đất thuê là 3.030,3 m²;

- Ngõ 145, đường Đình Xuyên, xã Phú Đồng, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng Xí nghiệp chế biến quế và nông lâm sản xuất khẩu với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 19/08/1998, với diện tích đất thuê là 5.065 m².

- Số 130 Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích sản xuất với thời hạn thuê 50 năm, với diện tích đất thuê là 120 m².

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

- Số 687, đường Trương Định, phường Hoàng Mai, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích sản xuất, xưởng sửa chữa và kho với thời hạn thuê 50 năm, với diện tích đất thuê là 1.317,2 m².

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty hiện đang được cơ quan nhà nước giao quản lý và sử dụng văn phòng tại địa chỉ số 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội. Đến thời điểm hiện tại, Công ty không phải chi trả các chi phí liên quan đến việc quản lý và sử dụng văn phòng tại địa chỉ trên.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	90.559,87	78.508,26
- Đồng Euro (EUR)	0,99	0,99

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	329.674.579.935	331.198.239.358

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>06 tháng đầu năm 2025</u>	<u>06 tháng đầu năm 2024</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	775.593.189.768	331.898.180.485
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.681.340.979	10.364.195.352
Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	5.000.000.000
	<u>784.274.530.747</u>	<u>347.262.375.837</u>

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>06 tháng đầu năm 2025</u>	<u>06 tháng đầu năm 2024</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	754.176.314.190	307.596.334.137
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.509.571.566	1.509.571.566
Giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	3.447.458.016
	<u>755.685.885.756</u>	<u>312.553.363.719</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngõ Quyền, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	16.136.138.927	5.281.363.849
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.798.500.000	9.864.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	7.036.565.295	3.509.729.340
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.625.895.100	-
	32.597.099.322	18.655.093.189

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	15.700.111.720	3.441.261.163
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.681.600.223	1.589.350.741
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	10.629.679.492	5.307.548.483
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	256.993.845	315.239
Chi phí tài chính khác	3.394.580.627	55.575.458
	34.662.965.907	10.394.051.084

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	183.067.850	217.812.836
Chi phí nhân công	2.451.562.945	2.182.186.487
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.304.991	6.850.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.406.276.937	10.805.222.013
Chi phí khác bằng tiền	2.078.766.994	939.170.827
	20.157.979.717	14.151.242.165

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.812.951	49.883.605
Chi phí nhân công	2.222.127.169	1.856.197.902
Chi phí khấu hao tài sản cố định	89.626.452	89.626.452
Thuế, phí, lệ phí	8.000.000	8.587.297
Hoàn nhập dự phòng	(145.000.000)	(100.290.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.076.784.966	732.186.664
Chi phí khác bằng tiền	87.418.242	67.168.231
	3.374.769.780	2.703.360.151

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

30 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tiền phạt thu được	259.600.000	49.740.517
Thu hồi công nợ đã xóa nợ	1.523.659.423	-
Chi phí sử dụng vốn của ông Trần Minh Hiếu	-	1.654.907.104
Chi phí sử dụng vốn của ông Nguyễn Tiến Việt	904.767.123	4.438.000.000
Thu nhập khác	16.964.452	4.203.898
	2.704.990.998	6.146.851.519

31 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	228.145.809
Phạt vi phạm hợp đồng	904.767.123	6.091.071.488
Chi phí khác	196.902.886	177.308.724
	1.101.670.009	6.496.526.021

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.593.349.898	25.765.777.405
Các khoản điều chỉnh tăng	196.902.886	405.454.533
- Chi phí không hợp lệ	196.902.886	405.454.533
Các khoản điều chỉnh giảm	(8.726.953.354)	(26.171.231.938)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(7.798.500.000)	(9.864.000.000)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(688.894.419)	(232.336.318)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(16.074.895.620)
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm trước	(239.558.935)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(3.936.700.570)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	29.004.459	5.003.071.451
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(4.989.592.412)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	29.004.459	13.479.039

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Đầu tư ngắn hạn	49.371.000.000	-	-	49.371.000.000
	<u>49.371.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>49.371.000.000</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Đầu tư ngắn hạn	40.068.000.000	-	-	40.068.000.000
	<u>40.068.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>40.068.000.000</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền	11.219.439.882	-	-	11.219.439.882
Phải thu khách hàng, phải thu khác	171.088.342.136	100.000.000	-	171.188.342.136
Các khoản cho vay	-	19.734.299.996	-	19.734.299.996
Chứng chỉ tiền gửi	404.700.000.000	-	-	404.700.000.000
Trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn	137.725.249.181	-	-	137.725.249.181
	<u>724.733.031.199</u>	<u>19.834.299.996</u>	<u>-</u>	<u>744.567.331.195</u>

Tại ngày 01/01/2025				
Tiền	3.773.946.796	-	-	3.773.946.796
Phải thu khách hàng, phải thu khác	78.709.037.923	80.100.000.000	-	158.809.037.923
Các khoản cho vay	-	19.734.299.996	-	19.734.299.996
Chứng chỉ tiền gửi	186.400.000.000	45.500.000.000	-	231.900.000.000
Trái phiếu nắm giữ đến ngày	79.725.805.651	-	-	79.725.805.651
	<u>348.608.790.370</u>	<u>145.334.299.996</u>	<u>-</u>	<u>493.943.090.366</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Vay và nợ	715.094.427.805	173.889.293.542	-	888.983.721.347
Phải trả người bán, phải trả khác	180.406.427.868	12.464.179.565	-	192.870.607.433
Chi phí phải trả	23.590.375	-	-	23.590.375
	<u>895.524.446.048</u>	<u>186.353.473.107</u>	<u>-</u>	<u>1.081.877.919.155</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Cửa Nam,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	350.954.039.387	169.998.801.468	-	520.952.840.855
Phải trả người bán, phải trả khác	115.505.157.808	92.445.002.869	-	207.950.160.677
Chi phí phải trả	177.191.717	-	-	177.191.717
	<u>466.636.388.912</u>	<u>262.443.804.337</u>	<u>-</u>	<u>729.080.193.249</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

Nguyễn Thanh Thúy
Người lập

Nguyễn Thanh Thúy
Kế toán trưởng



Vũ Thị Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025